

Bài 5 BÁC TRỐNG TRƯỜNG

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

- Phát triển kĩ năng đọc** thông qua việc đọc đúng, rõ ràng một VB thông tin ngắn viết dưới dạng tự sự; đọc đúng vần *eng* và tiếng, từ ngữ có vần này; hiểu và trả lời các câu hỏi có liên quan đến VB; quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh được quan sát.
- Phát triển kĩ năng viết** thông qua hoạt động viết lại đúng câu trả lời cho câu hỏi trong VB đọc; hoàn thiện câu dựa vào những từ ngữ cho sẵn và viết lại đúng câu đã hoàn thiện; nghe viết một đoạn ngắn.
- Phát triển kĩ năng nói và nghe** thông qua hoạt động trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh.
- Phát triển phẩm chất và năng lực chung**: ý thức tuân thủ nền nếp học tập (đi học đúng giờ, theo hiệu lệnh ở trường học); khả năng làm việc nhóm; khả năng nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt câu hỏi.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức ngữ văn

- GV nắm được đặc điểm của VB thông tin (không có yếu tố hư cấu, mục đích chính là cung cấp thông tin) và nội dung của VB *Bác trống trường*.
- GV nắm được đặc điểm phát âm, cấu tạo vần *eng*, nắm được nghĩa của một số từ ngữ khó trong VB (*đầy đà, nâu bóng, báo hiệu*) và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

2. Kiến thức đời sống

- GV có những hiểu biết về trống trường (hình dáng, kích thước, màu sắc, âm thanh, vị trí kê đặt, ý nghĩa văn hoá của tiếng trống trường...), về các hoạt động trong ngày lễ khai trường.
- GV hiểu được tác dụng của trống trong các hoạt động tập thể khác ở trường: báo hiệu giờ học; điều khiển tập thể dục, tập đội ngũ, xếp hàng chào cờ đầu tuần,...

3. Phương tiện dạy học

Tranh minh họa có trong SHS được phóng to hoặc máy tính có phần mềm phù hợp, máy chiếu, màn hình, bảng thông minh.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn và khởi động

- Ôn: HS nhắc lại tên bài học trước và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đó.
- Khởi động:
 - + GV yêu cầu HS quan sát tranh và trao đổi nhóm để trả lời các câu hỏi (a. *Em thấy những gì trong tranh?* b. *Trong tranh, đồ vật nào quen thuộc với em nhất? Nó được dùng để làm gì?*).
 - + Một số (2 – 3) HS trả lời câu hỏi. Các HS khác có thể bổ sung nếu câu trả lời của các bạn chưa đầy đủ hoặc có câu trả lời khác.
 - + GV và HS thống nhất nội dung câu trả lời, sau đó dẫn vào bài đọc *Bác trống trường*. (Gợi ý: *Trong tranh, thầy hiệu trưởng đang đánh trống khai giảng. Đằng sau thầy là phông chữ “Lễ khai giảng năm học 2020 – 2021”. Phía dưới có HS dự lễ khai giảng tay cầm cờ nhỏ,...* Tuỳ theo ý kiến cá nhân, HS có thể nêu lên một hoặc một vài đồ vật mà các em cảm thấy quen thuộc và nói về chức năng của đồ vật đó. VD: *trống trường – báo giờ học, sân khấu – nơi biểu diễn văn nghệ,...*)

2. Đọc

- GV đọc mẫu toàn VB.
- GV hướng dẫn HS luyện phát âm từ ngữ chưa vẫn mới
 - + HS làm việc nhóm đôi để tìm từ ngữ chưa vẫn mới trong VB (*reng reng*).
 - + GV đưa từ *reng reng* lên bảng và hướng dẫn HS đọc. GV đọc mẫu vẫn *eng* và từ *reng reng*, HS đọc theo đồng thanh.
- HS đọc câu
 - + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 1. GV hướng dẫn HS luyện phát âm một số từ ngữ khó như: *tiếng, dōng dạc, chuông điện, thỉnh thoảng, reng reng...*
 - + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 2. GV hướng dẫn HS đọc những câu dài. (VD: *Ngày khai trường/ tiếng của tôi dōng dạc/ “tùng...tùng...tùng...”/ báo hiệu một năm học mới; Bây giờ/ có thêm anh chuông điện,/ thỉnh thoảng/ cũng “reng... reng...reng” báo giờ học; Nhưng/ tôi vẫn là/ người bạn thân thiết/ của các cô cậu học trò.*)
- HS đọc đoạn
 - + GV chia VB thành các đoạn (đoạn 1: từ đầu đến *bao giờ*, đoạn 2: tiếp theo đến *năm học mới*, đoạn 3: phần còn lại).
 - + Một số HS đọc nối tiếp từng đoạn, 2 lượt.

- + GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong bài (*đầy đà*: to tròn, mập mạp; *nâu bóng*: màu nâu và có độ nhẵn, bóng; *báo hiệu*: cho biết một điều gì đó sắp đến).
- + HS đọc đoạn theo nhóm.
- HS và GV đọc toàn VB
- + 1 – 2 HS đọc thành tiếng toàn VB.
- + GV đọc lại toàn VB và chuyển tiếp sang phần trả lời câu hỏi.

TIẾT 2

3. Trả lời câu hỏi

- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi (a. *Trống trường có vẻ ngoài như thế nào?* b. *Hàng ngày, trống trường giúp học sinh việc gì?* c. *Ngày khai trường, tiếng trống báo hiệu điều gì?*).
- HS làm việc nhóm (có thể đọc to từng câu hỏi), cùng nhau trao đổi về bức tranh minh họa và câu trả lời cho từng câu hỏi.
- GV đọc từng câu hỏi và gọi đại diện một số nhóm trình bày câu trả lời của mình. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá. GV và HS thống nhất câu trả lời (a. *Trống trường có vẻ ngoài đầy đà, nước da nâu bóng*; b. *Hàng ngày, trống trường giúp học sinh ra vào lớp đúng giờ*; c. *Ngày khai trường, tiếng trống báo hiệu một năm học mới đã đến*).
- Lưu ý: GV có thể chủ động chia nhỏ câu hỏi hoặc bổ sung câu hỏi để dẫn dắt HS (nếu cần).

4. Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi b ở mục 3

- GV nhắc lại câu trả lời đúng cho câu hỏi b (có thể trình chiếu lên bảng một lúc để HS quan sát) và hướng dẫn HS viết câu trả lời vào vở. (*Hàng ngày, trống trường giúp học sinh ra vào lớp đúng giờ*.)
- GV lưu ý HS viết hoa chữ cái đầu câu, đặt dấu chấm, dấu phẩy đúng vị trí.
- GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.

TIẾT 3

5. Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở

- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu.
- GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả. GV và HS thống nhất câu hoàn thiện. (*Năm nào cũng vậy, chúng em háo hức chờ đón ngày khai trường*.)
- GV yêu cầu HS viết câu hoàn chỉnh vào vở.
- GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.

6. Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh

- GV giới thiệu tranh và hướng dẫn HS quan sát tranh.
- GV yêu cầu HS làm việc nhóm, quan sát tranh và trao đổi trong nhóm theo nội dung tranh, có dùng các từ ngữ đã gợi ý.

- GV gọi một số HS trình bày kết quả nói theo tranh.
- HS và GV nhận xét.

TIẾT 4

7. Nghe viết

- GV đọc to cả hai câu. (*Thỉnh thoảng có chuông điện báo giờ học. Nhưng trống trường vẫn là người bạn gần gũi của học sinh.*)
- GV lưu ý HS một số vấn đề chính tả trong đoạn viết.
 - + Viết lùi vào đầu dòng. Viết hoa chữ cái đầu câu, kết thúc câu có dấu chấm.
 - + Chữ dễ viết sai chính tả: *chuông điện*.
- GV yêu cầu HS ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng cách.
- Đọc và viết chính tả:
 - + GV đọc từng câu cho HS viết. Mỗi câu cần đọc theo từng cụm từ (*Thỉnh thoảng/ có chuông điện/ báo giờ học./ Nhưng trống trường/ vẫn là người bạn gần gũi/ của học sinh*). Mỗi cụm từ đọc 2 – 3 lần. GV cần đọc rõ ràng, chậm rãi, phù hợp với tốc độ viết của HS.
 - + Sau khi HS viết chính tả, GV đọc lại một lần toàn đoạn văn và yêu cầu HS rà soát lỗi.
 - + HS đổi vở cho nhau để rà soát lỗi.
 - + GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.

8. Tìm trong hoặc ngoài bài đọc Bác trống trường từ ngữ có tiếng chứa vần *ang, an, au, ao*

- GV nêu nhiệm vụ và lưu ý HS từ ngữ cần tìm có thể có ở trong bài hoặc ngoài bài.
- HS làm việc nhóm đôi để tìm và đọc thành tiếng từ ngữ có tiếng chứa các vần *ang, an, au, ao*.
- HS nêu những từ ngữ tìm được. GV viết những từ ngữ này lên bảng.
- Một số (2 – 3) HS đánh vần, đọc trọn; mỗi HS chỉ đọc một số từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.

9. Đọc và giải câu đố

- Một số (2 – 3) HS đọc câu đố.
- HS giải câu đố về các vật dụng thân thiết với trường học và nói về công dụng của mỗi vật.
- GV đưa tranh vẽ chuông điện, trống trường, bàn ghế, bảng lớp và lần lượt đưa ra các câu đố:
 - + Ở lớp, mặc áo đen, xanh
Với anh phấn trắng, đã thành bạn thân. (*Bảng lớp*)
 - + “Reng reng” là tiếng của tôi
Ra chơi, vào học, tôi thời báo ngay. (*Chuông điện*)

- Giáo viên có thể đưa thêm các câu đố dưới đây (tuỳ vào tình hình thực tế của lớp học).
 - + Thân bằng gỗ
 - Mặt bằng da
 - Hỗn động đến
 - Là kêu la
 - Gọi bạn tới
 - Tiễn bạn về
 - Đứng đầu hè
 - Cho người đánh. (*Trống trường*)
 - + Hai đầu, một mặt, bốn chân,
 - Các bạn trò nhở kết thân hằng ngày. (*Bàn ghế*)
- GV có thể nói thêm về đặc điểm (chất liệu, hình dáng, kích thước, màu sắc,...) và công dụng của 4 vật dụng trên. (Câu trả lời gợi ý: *Bảng lớp thường bằng gỗ, có mặt phẳng, to rộng, màu đen hoặc xanh, dùng để viết chữ lên. Chuông điện: vật làm bằng kim loại, phát ra âm thanh nhờ nguồn điện, dùng để tự động báo giờ bắt đầu hoặc kết thúc hoạt động nào đó. Trống trường bằng gỗ, hai đầu bọc da, thân tròn, dùng để báo giờ vào học, giờ ra về, giờ ra chơi, báo năm học mới. Bàn ghế thường bằng gỗ, có mặt phẳng, có chân đứng vững, dùng để kê viết và ngồi.*).
 - 2 – 3 HS trình bày trước lớp.
 - GV và HS khác nhận xét.

10. Củng cố

- GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính.
- HS nêu ý kiến về bài học (hiểu hay chưa hiểu, thích hay không thích, cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.
- GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.